



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2018

Ngành: **NGÔN NGỮ ANH**
 Chuyên ngành: **Tiếng Anh thương mại**
 Mã số ngành: **7220201**

Số tín chỉ tích lũy: **133**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	64	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			34	49	0	0	0	0	
I.1. Các học phần lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
2	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
3	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
4	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			3	3	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			9	9	0	0	0	0	
1	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
2	MAN201	Quản trị học	3	3					
3	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
1	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
2	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	3					
I.6. Các học phần tổ chất cá nhân chung			3	18	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			15	15	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	SOS203	Các nền văn minh thế giới		3					
2	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3					
3	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3						
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1		3					
2	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1		3					
3	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	3						
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2		3					KOR201
2	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2		3					JAP201
3	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3					CHI201	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	3						
1	NAS203	Thống kê ứng dụng		3					
2	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông		3					
3	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt	3	3					
		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>							
1	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					
2	ACC201	Kế toán đại cương	3	3					
3	ECO201	Kinh tế học đại cương		3					
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	94	1	19	0	12	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			9	7	1	1	0	0	
1	ENG304	Ngôn ngữ học so sánh	3	3					
2	ENG305	Ngữ âm, Âm vị và Hình vị học	3	3					
3	ENG307	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2	1	1				
4	ENG309	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
II.2. Các học phần chuyên ngành			54	87	0	18	0	12	
II.2a. Phần bắt buộc			48	81	0	18	0	12	
1	ENG412	Biên dịch thương mại 1	3	3					ENG418
2	ENG413	Biên dịch thương mại 2	3	3					ENG412
3	ENG414	Giao tiếp thương mại 1	3	3					
4	ENG415	Giao tiếp thương mại 2	3	3					ENG414
5	ENG418	Lý thuyết biên phiên dịch	3	3					
6	ENG421	Phiên dịch thương mại 1	3	3					ENG418
7	ENG427	Tiếng Anh đọc 1	3	3					
8	ENG428	Tiếng Anh đọc 2	3	3					ENG427
9	ENG430	Tiếng Anh nghe-nói 1	3	3					
10	ENG431	Tiếng Anh nghe-nói 2	3	3					ENG430
11	ENG432	Tiếng Anh nghe-nói 3	3	3					ENG431
12	ENG434	Tiếng Anh ngữ pháp 1	3	3					
13	ENG435	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3	3					ENG434
14	ENG437	Tiếng Anh viết 1	3	3					ENG434
15	ENG438	Tiếng Anh viết 2	3	3					ENG437
16	ENG439	Tiếng Anh viết 3	3	3					ENG438
II.2b. Phần tự chọn			6	6	0	0	0	0	
		<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	3						
1	TRA437	Kỹ năng hướng dẫn viên du lịch		3					
2	ENG423	Phương pháp dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	3					
		<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>							
3	HOS435	Nghị vụ lễ tân nhà hàng khách sạn		3					
4	SKL401	Chiến thuật giao tiếp trong Tiếng Anh	3	3					
				3					
II.3. Học phần thực tập và tốt nghiệp			21	0	0	9	0	0	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
1	ENG452	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/ TATM	4			4			MAN406
2	ENG501	Thực tập tốt nghiệp	5			5			ENG443
3	ENG507	Khóa luận tốt nghiệp	12					12	
		<i>(Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp)</i>	12	12					
1	ENG422	Phiên dịch thương mại 2	3	3					
2	ENG441	Thư tín thương mại	3	3					
3	ENG426	Tiếng Anh chuyên ngành xuất nhập khẩu	3	3					
4	ENG440	Tiếp thị và tổ chức sự kiện	3	3					
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm							
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
7		Tin học chuẩn đầu ra							

P. TRƯỞNG KHOA NGOẠI NGỮ

**KT. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

ThS. Bùi Phú Hưng

PGS.TS Phạm Vũ Phi Hổ